

Bản án số: 216/2021/HS-PT

Ngày: 27-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước T

Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 187/2021/TLPT-HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo **Nguyễn Hữu Q** về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1997, tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn 3, xã Bình Giang, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Phú, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Ngọc Hà, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/6/2020, tạm giam từ ngày 11/6/2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thành Q – Luật sư của Văn phòng Luật sư Thành Q và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, vắng mặt.

- Bị hại:

1. Ông **Hồ Xuân T**, sinh năm 1986; nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị Như T**, sinh năm 1990; nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1984; nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Ông **Lê Trung M**, sinh năm 1975; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3. Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1980; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ, cần tiền để trả nợ nên Nguyễn Hữu Q nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông Hồ Xuân T và bà Nguyễn Thị Như T, với phương thức như sau: Vào các năm 2018 và 2019, bị cáo Q tham gia môi giới đất nền để hưởng lợi nhuận và có giao dịch mua bán đất tại Dự án Khu đô thị số 3 thuộc Đô thị mới X do Công ty V 25 (địa chỉ: Tp. Đà Nẵng) làm chủ đầu tư. Thời điểm đó, thông qua một số người môi giới bán đất (không nhớ họ tên địa chỉ) Q có biết được địa điểm lô đất C4-09 tại Dự án Khu đô thị số 3 thuộc Đô thị mới X, thị xã Đ (viết tắt là lô C4-09) đang được rao bán và Q được một người môi giới đất (không rõ họ tên, địa chỉ) gửi hình ảnh Giấy CNQSD đất lô C4-09 qua phần mềm Zalo máy điện thoại của Q.

Lợi dụng thông tin trên, sau Tết âm lịch năm 2020, Q đã liên hệ với ông Hồ Xuân T đặt vấn đề cùng góp vốn mua lô đất C4-09. Tại thời điểm đó, giá thị trường của lô đất C4-09 dao động từ 1,8 tỷ đồng đến 02 tỷ đồng; để ông T tin, đồng ý góp vốn mua nên Q đưa giá mua lại lô đất trên là 1,5 tỷ đồng và phải đặt cọc trước 200 triệu đồng, mỗi người góp 100 triệu đồng. Ngày 05/3/2020, Q dẫn ông T đến xem địa điểm lô đất và ông T đồng ý mua. Sau đó, Q đến nhà vợ ông T tại xã Bình Giang, lúc đó không có ông T ở nhà nên ông T điện thoại bảo bà Nguyễn Thị Như T (là vợ ông T) đưa 100 triệu đồng cho Q để chung tiền đặt cọc mua đất, vì tin tưởng Q là anh em cô cậu với mình nên lúc đưa tiền, bà Nguyễn Thị Như T không yêu cầu Q viết giấy nhận tiền.

Sau khi có được tiền trên, Q không thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan đến mua lô đất C4-09 như Q đã nói với ông T mà Q sử dụng 70 triệu đồng để trả nợ cho Nguyễn Ngọc T, số tiền 30 triệu đồng còn lại Q đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của Hồ Xuân T, Q thuê người làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy CNQSD đất) giả của lô đất C4-09, cụ thể như sau: Q đã truy cập vào mạng xã hội, tìm được địa chỉ làm Giấy CNQSD đất giả, Q đã copy số điện thoại và đăng nhập vào phần mềm Zalo để nhắn tin đặt làm Giấy CNQSD đất giả, sau khi nhắn tin trao đổi thì hai bên đi đến thống nhất giá làm 01 Giấy CNQSD đất giả là 15 triệu đồng, Q đã chuyển hình ảnh Giấy CNQSD đất lô

C4-09 có ký hiệu CO173413 từ máy điện thoại của Q qua phần mềm Zalo của người nhận làm Giấy CNQSD đất giả cho Q (*Q không rõ họ tên, địa chỉ người đó*). Khoảng 03 ngày sau, người làm Giấy CNQSD đất (giả) nhắn tin qua Zalo bảo Q đến nhận. Khi nhận được tin trên thì một mình Q mua vé máy bay vào sân bay Tân Sơn Nhất, tại đó có một người đàn ông đeo khẩu trang (*Q không rõ họ tên*) tới đưa Giấy CNQSD đất (giả) cho Q và Q trả 15 triệu đồng từ số tiền mà ông T đã đặt cọc để mua lô đất C4-09.

Sau khi có được Giấy CNQSD đất giả trên, Q quay về lại Quảng Nam, Q liên hệ gặp ông Hồ Xuân T và đưa ra thông tin giả là có người cần mua lại lô đất C4-09 (*mà trước đó Q đã dẫn chỉ và bảo T đưa 100 triệu để đặt cọc*) với giá 1,85 tỷ đồng và bên mua sẽ đặt cọc trước 500 triệu đồng. Đồng thời, Q yêu cầu ông T phải đưa thêm cho Q 400 triệu đồng và Q sẽ tự bỏ ra 400 triệu đồng, cộng với tiền đặt cọc 200 triệu trước đó và tiền cọc 500 triệu của khách mua lại, sẽ đủ 1,5 tỷ đồng để trả cho người bán lô đất trên và lấy Giấy CNQSD đất. Sau khi nghe vậy, ông T đồng ý và điện thoại cho bà T bảo đưa cho Q 400 triệu đồng, bà T đến Ngân hàng X huyện T rút số tiền mặt 400 triệu đồng đưa cho Q nhận tại Ngân hàng vào ngày 16/3/2020 và vì tin tưởng nhau nên lần đưa tiền này vợ chồng ông T cũng không yêu cầu Q viết giấy nhận. Khoảng vài ngày sau, Q điện thoại thông báo với T là người mua lại lô đất không mua nữa, bỏ luôn tiền cọc 500 triệu đồng, Q đem Giấy CNQSD đất giả tới đưa cho ông T cất giữ, mục đích là để ông T tin Q đã mua được lô đất C4-09 tại Khu đô thị số 3 X và đề nghị ông T tìm người để bán. Toàn bộ số tiền 400 triệu đồng sau khi nhận được từ bà T, Q dùng vào việc trả nợ và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngày 31/5/2020, T nhờ ông Nguyễn Hữu H (*bạn của T tại phường N*) tìm người mua, T bán lại lô đất C4-09 với giá 1,7 tỷ đồng và khi tìm được khách mua là ông Lê Trung M (*trú tại: Tp. Đà Nẵng*), H trao đổi với T và hẹn ngày 01/6/2020 cùng đến Phòng Công chứng để chứng thực hợp đồng chuyển nhượng. Đến chiều ngày 01/6/2020, sau khi H, T, M cùng Q hẹn gặp nhau tại quán cà phê ở phường N, thị xã Đ trước khi công chứng chuyển nhượng lô đất trên thì Q đã thừa nhận Giấy CNQSD đất mà Q đưa cho ông T đang cất giữ là giả, không giao dịch được; ông Lê Trung M cầm Giấy CNQSD đất lô đất C4-09 mang đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ để kiểm tra và được thông báo là Giấy CNQSD đất giả, Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ tạm giữ giấy này và báo cáo cơ quan chức năng. Cùng ngày ông Hồ Xuân T làm đơn trình báo và cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã tiến hành làm việc với những người có liên quan, lập biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu.

Ngoài Giấy CNQSD đất giả có ký hiệu CO173413 nêu trên thì quá trình làm việc với cơ quan điều tra Q thừa nhận: Thời gian trước đó, Q cũng nhờ người (*không rõ họ tên, địa chỉ*) làm giả Giấy CNQSD đất giả ký hiệu: CR891441 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Đà Nẵng cấp cho ông Vũ Khả L và bà Nguyễn Thị Kim T. Đến nay, Q chưa thực hiện giao dịch giấy chứng nhận giả này với bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào. Sau khi làm việc nhận thấy hành vi đặt làm Giấy CNQSD đất giả là sai phạm nên bị can Q đã tự giác giao nộp Giấy CNQSD đất giả trên cho Cơ quan

điều tra Công an tỉnh Quảng Nam. Đối với phương thức đặt làm Giấy CNQSD đất giả ký hiệu CR891441 thì cũng tương tự như làm Giấy CNQSD đất giả có ký hiệu CO173413; Q vào trang mạng bất động sản Quảng Nam – Đà Nẵng tìm kiếm thông tin mua bán đất và thấy có thửa đất có Giấy CNQSD đất số CR891441 cấp ngày 10/7/2019 đăng bán nên Q đã copy hình ảnh Giấy chứng nhận đó lưu về máy điện thoại của Q, rồi lên mạng tìm kiếm người người làm Giấy CNQSD đất giả và đã copy số điện thoại đăng nhập vào Zalo để nhắn tin đặt làm Giấy CNQSD đất giả trên với giá tiền 15 triệu đồng.

Xác minh địa chỉ tài khoản Zalo đã làm giả 02 Giấy CNQSD đất thì thấy: Sau khi nhận được 02 Giấy CNQSD đất giả nêu trên thì Zalo của đối tượng đó không còn tồn tại, không liên lạc được. T hành kiểm tra máy điện thoại của Q không có lưu giữ hình ảnh, thông tin gì liên quan đến đối tượng làm giả Giấy chứng nhận cho Q, kể cả số điện thoại của đối tượng mà Q copy trên trang mạng làm Giấy CNQSD đất giả, để đăng nhập Zalo thì Q không còn nhớ.

Ngày 01/7/2020, Cơ quan CSĐT tiến hành thu mẫu so sánh và ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Nam giám định hình dấu tròn và chữ ký trên 02 Giấy CNQSD đất mà Q đã thừa nhận nhờ người làm giả. Kết quả giám định xác định:

- Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM” trên mẫu giám định và mẫu so sánh không phải cùng một con dấu đóng ra.
- Chữ ký đứng tên Lê Trí T trên mẫu giám định và mẫu so sánh không phải cùng một người ký ra.
- Hình dấu tròn có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên mẫu giám định và mẫu so sánh không phải cùng một con dấu đóng ra.
- Chữ ký đứng tên Nguyễn Hồng S trên mẫu giám định và mẫu so sánh không phải cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của những người có liên quan Hồ Xuân T, Nguyễn Thị Như T, Nguyễn Hữu H, Lê Trung M.

Sau khi sự việc bị phát hiện, gia đình Nguyễn Hữu Q đã hoàn trả cho ông Hồ Xuân T số tiền 500 triệu đồng, việc giao nhận tiền có lập giấy tờ xác nhận.

Vật chứng thu giữ: 01 Giấy CNQSD đất (giả) lô đất C4-09, số ký hiệu CO173413 tại Dự án Khu đô thị số 3 thuộc Đô thị mới X, thị xã Đ và 01 Giấy CNQSD đất (giả) số 116, tờ bản đồ số 50, ký hiệu CR891441, tại huyện H của ông Vũ Khả L và bà Nguyễn Thị Kim T, cùng trú tại thành phố Hồ Chí Minh.

Cáo trạng số 96/CT-VKS-P3 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2020/HS-ST ngày 22/12/2020, Tòa án

nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu Q** phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu Q 02** (hai) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu Q 07** (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Hữu Q** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **09** (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 01/6/2020).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/12/2020, bị cáo Nguyễn Hữu Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Q hành nghề môi giới bất động sản nên có được hình ảnh Giấy CNQSD đất lô C4-09 số ký hiệu CO 173413 tại Dự án Khu đô thị số 3 thuộc Đô thị mới X, thị xã Đ. Do cần tiền để trả nợ nên Q đã sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin giả đề nghị ông Hồ Xuân T cùng góp tiền mua lô đất C4-09, số ký hiệu CO 173413 với giá 1,5 tỷ đồng. Q dẫn ông T đến xem địa điểm lô đất và đề nghị mỗi người góp 100 triệu đồng để đặt cọc cho chủ sở hữu, ông T đồng ý và đã giao tiền cho Q. Sau đó, Q đã liên hệ với một người (không rõ lý lịch) tại thành phố Hồ Chí Minh làm giả Giấy CNQSD

đất lô C4-09 số ký hiệu CO 173413 với giá 15 triệu đồng. Sau khi có Giấy CNQSD đất lô C4-09 số ký hiệu CO 173413 giả, Q thông tin giả cho ông T là đã tìm được người mua lại lô đất C4-09 với giá 1,85 tỷ đồng, đã đặt cọc cho Q 500 triệu đồng và yêu cầu ông T phải đưa thêm 400 triệu đồng, Q sẽ tự bỏ ra 400 triệu đồng, cộng với tiền đặt cọc 200 triệu trước đó và tiền cọc 500 triệu của khách mua lại, sẽ đủ 1,5 tỷ để Q trả cho người bán lô đất trên và lấy Giấy CNQSD đất. Vì tin tưởng nên vợ chồng ông Hồ Xuân T và bà Nguyễn Thị Nhu T đã đưa cho Q 400 triệu đồng để hoàn tất việc góp vốn cùng Q mua lô đất này; Q tạo thông tin giả người đặt cọc mua lại lô đất đã bỏ cọc 500 triệu đồng và Q đưa Giấy CNQSD đất giả này cho ông T cất giữ và tìm người bán. Ông T nhờ Nguyễn Hữu H bán lại lô đất C4-09 cho ông Lê Trung M, trú tại phường Hòa Q, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng và hẹn ngày 01/6/2020 cùng nhau đến Phòng Công chứng để chứng thực hợp đồng chuyển nhượng thì Q thừa nhận Giấy CNQSD đất này là giả; ông M đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ để kiểm tra và được thông báo là Giấy CNQSD đất giả. Q đã chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng của vợ chồng ông Hồ Xuân T và bà Nguyễn Thị Nhu T.

[2] Ngoài ra, thời gian trước đó Q cũng nhờ người (không rõ họ tên, địa chỉ) tại thành phố Hồ Chí Minh làm giả Giấy CNQSD đất ký hiệu CR891441 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/7/2019 đứng tên ông Vũ Khả L và bà Nguyễn Thị Kim T, cùng trú tại phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh; Q chưa thực hiện giao dịch đối với Giấy chứng nhận giả này.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hữu Q đã phạm tội: *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* với tình tiết định khung tăng nặng: *“Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”* quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như bản án sơ thẩm đã qui kết có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị cáo có nhân thân tốt; đã bồi thường xong thiệt hại; bị cáo tự thú hành vi làm giả tài liệu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo 9 năm tù đối với cả hai tội danh là không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xét giảm hình phạt.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Q;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu Q** phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu Q 02** (hai) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu Q 07** (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Hữu Q** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **09** (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 01/6/2020).

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hữu Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự